TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1026/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 826/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G;

2. Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Đường T, Phường H, Quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 22 tháng 8 năm 2022, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà L yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 26/02/2021 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 06/2022, mâu thuẫn gia đình phát sinh do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Ông S và bà L đã sống ly thân từ tháng 06/2022 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S và bà L đã nộp đơn yêu cầu thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông S và bà L có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Tuệ L, sinh ngày 29/3/2021 theo Giấy khai sinh số 76 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố H. Ông S và bà L thống nhất giao con chung

Nguyễn Trần Tuệ L, sinh ngày 29/3/2021 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[3] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông S và bà L mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng ông S tự nguyện chịu toàn bộ và được bà L đồng ý, nên Toà án ghi nhận thoả thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Toà án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị Mỹ L thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 26/02/2021 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Tuệ L, sinh ngày 29/3/2021 cho ông Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Thanh S tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0017302, ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông Nguyễn Thanh S đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung